

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN
TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐĂNG LÂM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **37**/ QĐ-THĐL

Đăng Lâm, ngày **6** tháng **6** năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai Quyết toán thu chi năm học 2024 - 2025 của trường TIỂU HỌC ĐĂNG LÂM

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Xét đề nghị của kế toán trưởng nhà trường, các đoàn thể trong nhà trường;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu Quyết toán thu chi năm học 2024 – 2025 (Biểu 6.4).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Kế toán trưởng, bộ phận kế toán tài chính và các bộ phận liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (TH);
- Lưu :VT, ...



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Thúy Hải

QUYẾT TOÁN THU CHI NĂM HỌC 2024 - 2025
(Kèm theo quyết định số 37/QĐ-THĐL ngày 6/ 6 / 2025 của Trường Tiểu học Đằng Lâm)

ĐVT: đồng

TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số liệu quyết toán được duyet chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có)
1	2	3	4		
A	CÁC KHOẢN THU CHI NGOÀI NGÂN SÁCH VÀ KHOẢN THU HỘ CHI HỘ	24.154.624	24.154.624		
I	Số thu phí, lệ phí	0	-		
1	Học phí (nếu có)	0	-		
2	Dạy thêm học thêm, học nghề (nếu có)	0	-		
3	Tài trợ, hỗ trợ (nếu có: chi tiết theo từng công trình, dự án)	0	-		
4	Dịch vụ trông giữ xe, căn tin, bán trú...	0	-		
4.1	Trông giữ xe đạp học sinh				
4.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	-		
4.1.2	Mức thu (tháng)	30	30		
4.1.3	Tổng số thu trong kỳ	94.860	94.860		
4.1.4	Tổng số kinh phí được sử dụng trong kỳ	94.860	94.860		
4.1.5	Tổng số kinh phí được nộp vào Kho bạc, ngân hàng	94.860	94.860		
4.1.6	Số chi trong kỳ	84.750	84.750		
	Trong đó: - Chi trông coi xe 70%	66.402	66.402		
	Nộp thuế: 10%	7.464	7.464		
	Chi cơ sở vật chất 20%	10.884	10.884		
4.1.7	Số dư cuối kỳ	10.110	10.110		
4.2	Nước uống tinh khiết cho học sinh				
4.2.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	-		
4.2.2	Số học sinh	4.787	4.787		
4.2.2	Mức thu (kỳ)	90	90		
4.2.3	Tổng số thu trong kỳ	215.430	215.430		
4.2.4	Tổng số kinh phí được sử dụng trong kỳ	215.430	215.430		
4.2.5	Tổng số kinh phí được nộp vào Kho bạc, ngân hàng	215.430	215.430		

TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số liệu quyết toán được duyet chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có)
1	2	3	4		
4.2.6	Số chi trong kỳ	215.430	215.430		
4.2.7	Số dư cuối kỳ	0	-		
4.3	Tiền ăn	0	-		
4.2.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	-		
4.3.1	Số học sinh	1.890	1.890		
4.3.2	Mức thu (ngày)	30	30		
4.3.3	Số tồn đầu kỳ				
4.3.4	Tổng số thu trong kỳ	10.004.670	10.004.670		
4.3.5	Tổng số kinh phí được sử dụng trong kỳ	10.004.670	10.004.670		
4.3.6	Tổng số kinh phí được nộp vào Kho bạc, ngân hàng	4.502.400	4.502.400		
4.3.7	Số chi trong kỳ	0	-		
4.3.8	Số dư cuối kỳ	0	-		
4.4	Hỗ trợ cơ sở vật chất bán trú				
4.4.1	Số học sinh	1.980	1.980		
4.4.2	Mức thu (năm)	K1: 360, K2,K3,K4:20 0, K5: 160	K1: 360, K2,K3,K4:20 0, K5: 160		
4.4.3	Tổng số thu trong kỳ	375.506	375.506		
4.4.4	Tổng số kinh phí được sử dụng trong kỳ	375.506	375.506		
4.4.5	Tổng số kinh phí được nộp vào Kho bạc, ngân hàng	375.506	375.506		
4.4.6	Số chi trong kỳ	375.506	375.506		
4.4.7	Số dư cuối kỳ	0	-		
4.5	Hỗ trợ CSVC, điện nước lớp học 2 buổi/ngày				
4.5.1	Số học sinh	2.050	2.050		
4.5.2	Mức thu (tháng)	30	30		
4.5.3	Số tồn đầu kỳ				
4.5.4	Tổng số thu trong kỳ	609.816	609.816		

TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số liệu quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có)
1	2	3	4		
4.5.5	Tổng số kinh phí được sử dụng trong kỳ	609.816	609.816		
4.5.6	Tổng số kinh phí được nộp vào Kho bạc, ngân hàng	609.816	609.816		
4.5.7	Số chi trong kỳ	609.816	609.816		
4.5.8	Số dư cuối kỳ	0	-		
4.6	Chăm sóc bán trú				
4.6.1	Số học sinh	1.980	1.980		
4.6.2	Mức thu (tháng)	K1,2,3,4: 150	K1,2,3,4: 150 K5: 120		
4.6.3	Tổng số thu trong kỳ	2.680.620	2.680.620		
4.6.4	Tổng số kinh phí được sử dụng trong kỳ	2.680.620	2.680.620		
4.6.5	Tổng số kinh phí được nộp vào Kho bạc, ngân hàng	2.680.620	2.680.620		
4.6.6	Số chi trong kỳ	2.680.620	2.680.620		
4.6.7	Số dư cuối kỳ	0	-		
4.7	Quản lý học sinh ngoài giờ	0	-		
4.7.1	Số học sinh	2.310	2.310		
4.7.2	Mức thu (tháng)	K1,2,3,4: 240, K5:170	K1,2,3,4: 240, K5:170		
4.7.3	Tổng số thu trong kỳ	4.540.160	4.540.160		
4.7.4	Tổng số kinh phí được sử dụng trong kỳ	4.540.160	4.540.160		
4.7.5	Tổng số kinh phí được nộp vào Kho bạc, ngân hàng	4.540.160	4.540.160		
4.7.6	Số chi trong kỳ	4.540.160	4.540.160		
4.7.7	Số dư cuối kỳ	0	-		
5	Liên kết giáo dục: kỹ năng sống, tiếng anh có yếu tố nước ngoài.	0	-		
5.1	Kỹ năng sống	0	-		
5.1.1	Số dư năm trước chuyển sang				
5.1.2	Mức thu (tháng)	50	50		
5.1.3	Tổng số thu trong kỳ	903.700	903.700		
5.1.4	Tổng số kinh phí được sử dụng trong kỳ	982.402	982.402		
5.1.5	Tổng số kinh phí được nộp vào Kho bạc, ngân hàng	983.526	983.526		
5.1.6	Số chi trong kỳ	982.402	982.402		
	Trong đó: - Chi thanh toán trả trung tâm	785.922	785.922		
	- Chi công tác quản lý	39.296	39.296		

TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số liệu quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có)
1	2	3	4		
	- Chi cho Giáo viên	98.240	98.240		
	- Chi phúc lợi	55.077	55.077		
	- Chi nộp thuế	3.934	3.934		
5.1.7	Số dư cuối kỳ	0	-		
5.2	Tiếng anh có yếu tố nước ngoài	0	-		
5.2.1	Số dư năm trước chuyển sang				
5.2.2	Mức thu (tháng)	150	150		
5.2.3	Tổng số thu trong kỳ	2.673.300	2.673.300		
5.2.4	Tổng số kinh phí được sử dụng trong kỳ	2.673.300	2.673.300		
5.2.5	Tổng số kinh phí được nộp vào Kho bạc, ngân hàng	2.673.300	2.673.300		
5.2.6	Số chi trong kỳ	2.673.300	2.673.300		
	Trong đó: - Chi thanh toán trả trung tâm	2.138.640	2.138.640		
	- Chi công tác quản lý	144.358	144.358		
	- Chi cho Giáo viên	144.358	144.358		
	- Chi phúc lợi	235.250	235.250		
	- Chi nộp thuế	10.693	10.693		
5.2.7	Số dư cuối kỳ	0	-		
6	Thu hộ, chi hộ: BHYT, đoàn, đội, đồng phục, sách vở	0	-		
6.1	Bảo hiểm y tế	0	-		
6.1.1	Số học sinh	2.294	2.294		
6.1.2	Mức thu (năm học)	0	-		
6.1.3	Tổng thu	1.977.860	1.977.860		
6.1.4	Đã chi (Nộp 100% về BHXH quận Hải An)	1.977.860	1.977.860		
6.1.5	Tồn cuối kỳ	0	-		
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	0	-		
1	Chi sự nghiệp				
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi nghiệp vụ chuyên môn				

TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số liệu quyết toán được duyet chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có)
1	2	3	4		
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
2	Chi quản lý hành chính				
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi khác				
III	Số phí, lệ phí nộp Ngân sách Nhà nước	0	-		
1	Học phí (nếu có)				
2	Dạy thêm học thêm, học nghề (nếu có)	0	-		
5	Tài trợ, hỗ trợ (nếu có: chi tiết theo từng công trình, dự án)	0	-		
B	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	17.621.284	17.621.284		
I	Nguồn Ngân sách Nhà nước	17.621.284	17.621.284		
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	17.621.284	17.621.284		
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	17.414.284	17.414.284		
	Chi thanh toán cá nhân	16.408.742	16.408.742		
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	439.615	439.615		
	Chi tham quan học tập	0	-		
	Chi mua sắm sửa chữa	193.273	193.273		
	Chi khác	372.654	372.654		
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	207.000	207.000		
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	0	-		
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
II	Nguồn viện trợ				
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
1.1	Dự án A				

TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số liệu quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có)
1	2	3	4		
1.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				

Ph. Đăng Lâm, ngày 6 tháng 6 năm 2025

NGƯỜI LẬP



Dương Minh Nguyệt

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Thúy Hải